TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-12-2023
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành và bà Bùi Thị Vân.

- **Thư ký phiên toà**: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà**: Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 15/12/2023, tại trụ sở TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 280/2023/TLST-HNGĐ ngày 23/10/2023, về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/11/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1946, vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1970, vắng mặt.

3. Người làm chứng: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1973, vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông T, bị đơn bà B trình bày: Ông, bà kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/6/2019. Sau khi kết hôn, do điều kiện cuộc sống nên ông bà không thường xuyên chung sống cùng nhau, ai ở nhà người đấy, nhưng vẫn duy trì tình cảm vợ chồng đến khoảng đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Ông T xác định, mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên không có sự đồng cảm, quan tâm, chia sẻ với nhau, ngoài ra bà B làm nghề tâm linh nên việc nhìn nhận các vấn đề trong cuộc sống sinh hoạt vợ chồng đều có sự khác biệt; còn bà B cho rằng do ông T cư xử không đúng mực, nên dẫn tới tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Nay ông T, bà B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T xin ly hôn, bà B, bà B đồng ý.

Về con chung: Ông T, bà B xác định không có con chung, nên không đề nghị

Toà án giải quyết.

Về tài sản, nợ, công sức: Ông T, bà B xác định không có tài sản chung, không nợ và không cho ai vay tài sản, không có tài sản và công sức đóng góp cho gia đình. Khi ly hôn, ông T, bà B không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai bà T1 (em gái ông T) xác định: Quá trình chung sống hai bên đương sự có phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình động viên nhưng không thành. Nay ông T xin ly hôn bà B, bà đề nghị Toà án giải quyết cho hai bên đương sự được ly hôn.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Xử, ông T ly hôn bà B; do ông T là người cao tuổi, nên miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX, nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông T, bà B đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt người tham gia tố tụng.

[2]. Về hôn nhân: Ông T, bà B kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/6/2019, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Về tình trạng hôn nhân của hai bên đương sự, HĐXX thấy rằng: Ông T, bà B có sự chênh lệch nhau về tuổi tác, sau khi kết hôn lại không chung sống cùng nhau do bà B hành nghề tâm linh, nên vợ chồng không có sự gắn kết, yêu thương nhau. Theo địa phương, người thân trong gia đình đương sự xác định tình cảm vợ chồng giữa ông T, bà B không còn, hai bên không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà B đều xác định tình cảm không còn, đồng ý ly hôn. Như vậy, từ những căn cứ như đã nêu ở trên, có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa các bên đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của các bên đương sự, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử cho ông T được ly hôn bà B.

[3] Về con chung: Xác định trong quá trình chung sống ông T, bà B không có con chung. Vì vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức: Quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà B xác định không có tài sản chung, không nợ và không cho ai vay tài sản, không có công sức đóng góp cho gia đình hai bên, khi ly hôn đều không yêu cầu giải quyết. Do vậy, HĐXX không phải đặt ra để giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án. Ông T là người cao tuổi, nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, 227, 228, 229, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Ông Trần Minh T ly hôn bà Nguyễn Thị B.

2. Về án phí: Ông Trần Minh T được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã T, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu Toà án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN MẠNH TUÂN